

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐƯỜNG**

Số: /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tam Đường, ngày tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện công tác CCHC năm 2021

Căn cứ Công văn số 222/SNV-XDCQ ngày 22/02/2021 của Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ, UBND huyện báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ	
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	36	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	36	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	39	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Số phòng, ban chuyên môn đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
1.1.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	10	
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	13	
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	13	
1.3.	Công tác tuyên truyền CCHC			
1.3.1.	Số nội dung tuyên truyền	Nội dung	4	
1.3.2.	Hình thức tuyên truyền	Hình thức	Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh truyền hình, Trang thông tin điện	
1.3.3.	Số lượng tin, bài đã tuyên truyền	Tin, bài	220	

1.3.4.	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền	%	100	
1.4.	Thực hiện nhiệm vụ, kết luận do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
1.4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	626	
1.4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	610	
1.4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	1	
1.4.4.	Số nhiệm vụ chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	15	Đang thực hiện, chưa đến hạn
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo UBND huyện với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0; Có = 1	1	
2	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành	Văn bản	3	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	3	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	41	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	19	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	12	1 văn bản đang thực hiện; 6 văn
3	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	11	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	381	
Trong đó	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	254	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	127	
3.2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	36	
3.2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	18	

3.2.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	<i>Kết quả giải quyết TTHC</i>			
3.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC tiếp nhận mới		24.297	
Trong đó	Cấp huyện	TTHC	2389	
	Cấp xã	TTHC	21908	
3.4.2	Số hồ sơ TTHC kỳ trước chuyển qua	TTHC	26	
Trong đó	Cấp huyện	TTHC	26	
	Cấp xã	TTHC	0	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn	%	100	
Trong đó	do UBND cấp huyện tiếp nhận	%	100	
	do UBND cấp xã tiếp nhận	%	100	
3.3.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết quá hạn	%	0	
Trong đó	do UBND cấp huyện tiếp nhận	%	0	
	do UBND cấp xã tiếp nhận	%	0	
3.3.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 2 cấp)	%	100	
3.3.6.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 2 cấp)	%	100	
3.4	<i>Tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện:</i>			
3.4.1	Số phản ánh, kiến nghị (PAKN) đã tiếp nhận (bao gồm cả kỳ trước chuyển qua)	PAKN	0	
3.4.2	Tổng số PAKN đã xử lý xong	PAKN	0	
3.4.3	Tổng số PAKN đang xử lý	PAKN	0	
3.6.	<i>Vận hành Cổng dịch vụ công</i>			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	38	

3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	47	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến	Thủ tục	47	
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	12	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	2	
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp huyện thành lập	Cơ quan, đơn vị	0	
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện	Cơ quan, đơn vị	44	
Trong đó	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	Cơ quan, đơn vị	44	
	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	Cơ quan, đơn vị	18,86	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	92	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	72	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	5	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	1,9	Tinh giảm theo Nghị định 108/NĐ-CP và các văn bản bổ sung
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	1462	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	1455	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	2	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	2,4	Tinh giảm theo Nghị định 108/NĐ-CP và các văn bản bổ sung
5	Cải cách chế độ công vụ			

5.1.	<i>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</i>			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	12	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	6	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	<i>Tuyển dụng công chức, viên chức</i>			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	0	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
5.3.	<i>Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo</i>			
5.3.1.	Số lãnh đạo UBND huyện hiện có mặt	Người	3	
5.3.2.	Số lãnh đạo UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	1	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	1	
5.3.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền)		1	
5.4.	<i>Số lãnh đạo cấp huyện bị kỷ luật</i>	Người		
5.4.1.	Số lãnh đạo UBND huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	2	
5.5.	<i>Về công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức</i>			
5.5.1.	Số nhiệm vụ của đơn vị được giao trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của tỉnh	Nhiệm vụ	4	
5.5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	Nhiệm vụ	2	Đã xin điều chỉnh sang 2022 do dịch Covid19 không thực hiện

5.5.3.	Sô cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ trong kỳ báo cáo	Lượt người	1	
6	Cải cách tài chính công			
6.1.	Các văn bản triển khai thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 7/10/2014	Văn bản	1	
6.2.	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện thực hiện cơ chế tự chủ		13	
6.2.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	2	
6.2.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	1	
6.2.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	41	
6.2.5.	Số đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp (trong kỳ báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
7	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT			
	Số nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện trong kế hoạch	Nhiệm vụ	9	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành theo kế hoạch	Nhiệm vụ	9	
7.2.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.2.1.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	15.650	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	15.104/15.650 = 96,5%	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	546/15.650 = 3,5%	
7.2.2.	Tỷ lệ đơn vị đã triển khai ứng dụng chữ ký số		100	
Trong đó	Tỷ lệ lãnh đạo, cán bộ của cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan đã được cấp chữ ký số	%	100	
	Tỷ lệ văn bản đi được ký số (số văn bản đi được ký số/tổng số văn bản đi *100)	%	14.633/15.650 = 93,5%	
7.2.3.	Sử dụng thư điện tử	%		

Trong đó	Tỷ lệ phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử chung	%	100	
	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được cấp hộp thư thường xuyên sử dụng	%	93	
7.3.	<i>Dịch vụ công trực tuyến</i>			
7.7.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	23	
7.3.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	80	
7.3.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	0,9	
7.3.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	25,9	

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- TT. Huyện ủy, TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NV (2b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Sùng Lữ Páo